



guàn mù

灌木

noun · shrub, bush

Example Sentences

yuàn zi lǐ zhòng le hěn duō guàn mù
院子里种了很多灌木。

Many shrubs are planted in the yard.

guàn mù bǐ shù āi hěn duō
灌木比树矮很多。

Shrubs are much shorter than trees.

gōng yuán lǐ de guàn mù xiū jiǎn dé hěn zhěng qí
公园里的灌木修剪得很整齐。

The shrubs in the park are trimmed very neatly.

Trace each character, then write the word on your own.

灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌
灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌
灌										
木	木	木	木	木	木	木				